

Bản án số: 06/2017/HCPT

Ngày 05/4/2017

V/v “*Kiến Quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai.*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Loan

Ông Trịnh Hoàng Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Đại Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
ông Nguyễn Văn Triu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 04 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng
Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2017/TLPT-HC
ngày 22/02/2017 về việc “*Khởi kiện quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày
15/4/2015 v/v cấp lần đầu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở
và tài sản gắn liền với đất cho một hộ gia đình và Giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân huyện X*”,
theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐPT-HC ngày 15/03/2017, giữa
các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Trí T (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Luật sư Ngô Thị Thanh H - Văn phòng Luật sư T H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh
Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện X

Đại diện theo pháp luật ông M là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X (vắng
mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Văn L – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường
huyện X (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Thanh T - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :

Bà Nguyễn Thị H (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người kháng cáo: Ông Lê Trí T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện và các tài liệu đã cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, người khởi kiện là ông Lê Trí T trình bày:

Ngày 15/4/2015, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (tỉnh BR-VT) ban hành Quyết định số 1098/QĐ-UBND về việc cấp lần đầu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) (gọi tắt Quyết định 1098), quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho một hộ gia đình, cá nhân (01 hồ sơ) tại xã X (có danh sách kèm theo). Danh sách kèm theo ghi cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu tại xã X cho ông Lê Trí T tại thửa số 73, tờ bản đồ số 16, diện tích 47m² (Đất ở 47m²).

Ngày 15/4/2015, UBND huyện X ban hành GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 791257 đã công nhận cho ông Lê Trí T, bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 73, tờ bản đồ số 16, diện tích 47m²; tọa lạc xã X, huyện X, tỉnh BR-VT.

Ông Lê Trí T không đồng ý Quyết định 1098 và GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 791257 ngày 15/4/2015 của UBND huyện X, vì UBND X chỉ công nhận cho ông T, bà H được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 73, tờ bản đồ số 16, diện tích 47m² tại xã X là không đúng với diện tích thực tế sử dụng và đơn ông T xin được sử dụng là 96m² theo Quyết định số 25/QĐ.UBND ngày 18/12/1992 của UBND xã X, huyện X về việc thanh lý tài sản của Hợp tác xã Tín dụng xã X thì Gia đình ông T đã sử dụng nhà đất ổn định, liên tục diện tích đất nói trên từ năm 1992 cho đến nay. Ông T đã trả đủ tiền, làm đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước. UBND huyện X công nhận cho ông T, bà H quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất diện tích 47m² là sai trái gây thiệt hại cho gia đình ông.

Vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định 1098; đồng thời hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 791257 ngày 15/4/2015 của UBND huyện X; buộc UBND huyện X cấp GCNQSDĐ với diện tích 96m² tại thửa số 73, tờ bản đồ số 16 (cũ là thửa số 234, tờ bản đồ số 07) xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Lê Trí T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H trình bày: Tôi là vợ của ông Lê Trí T, nhất trí với toàn bộ ý kiến trình bày và yêu cầu của ông T, không có ý kiến gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, ông Nguyễn Thanh T cho rằng: Quyết định 1098 và GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 791257 ngày 15/4/2015 của UBND huyện X là đúng thể thức, thủ tục ban hành quyết định hành chính phù hợp loại văn bản quản lý Nhà nước và được ban hành đúng thẩm quyền. Việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu tại xã X cho ông Lê Trí T tại thửa số 73, tờ bản đồ số 16, diện tích 47m² (Đất ở 47m²) là có căn cứ pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện X áp dụng Điều 30, Điều 31 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điều 32, 34 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, tuyên xử:

“Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trí T yêu cầu: Hủy quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho một hộ gia đình, cá nhân (01 hồ sơ) tại xã X; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 791257 ngày 15/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện X”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/02/2017 người khởi kiện ông Lê Trí T có đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, yêu cầu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm, tuyên sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, tuyên hủy Quyết định 1098 để UBND huyện X thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 791257 đồng thời cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T diện tích 96m² theo đúng quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bà Ngô Thị Thanh H trình bày:

Bà đồng ý với lời trình bày người khởi kiện và bà bổ sung ý kiến tại Quyết định số 25/QĐ.UBND ngày 18/12/1992 của UBND xã X, huyện X, tỉnh BR-VT về việc thanh lý tài sản cố định của Hợp tác xã Tín dụng cho ông Lê Trí T 01 căn nhà xây, diện tích 32m² lợp tôn Fibrociment, đất tọa lạc trên diện tích 96m². UBND huyện X, tỉnh BR-VT cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông T diện tích 47m² là không đúng, bất chấp diện tích đất ghi trong quyết định thanh lý tài sản, bất chấp các quy định của luật Đất đai năm 2013 (điều đ

khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 101) là hành vi xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, tuyên hủy Quyết định 1098 cùng với GCNQSDĐ số CA 791257 để cấp lại GCNQSDĐ cho ông T theo đúng diện tích 96m² đất mà ông T đã mua và diện tích đã sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1992 đến nay, theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung:

Tại Quyết định số 25/QĐ.UBX ngày 18/12/1992 của UBND xã X, huyện X về việc mua thanh lý tài sản của Hợp tác xã Tín dụng thì tại Điều 2 quyết định ghi rõ “ Ông Lê Trí T được quyền sử dụng căn nhà và diện tích đất trên, phải chấp hành qui định về nhà đất tại địa phương”. Ông T đã sử dụng đất và sử dụng căn nhà ổn định từ năm 1992 đến nay không bị cơ quan nào xử phạt vi phạm hành chính, đã được cấp GCNQSD đất lần đầu vào ngày 28/12/1995 là đúng Luật đất đai 1993. Việc UBND huyện X hủy bỏ số liệu cấp GCNQSD đất tại thửa số 234, tờ bản đồ số 07 (mới là thửa số 73, tờ bản đồ số 16) xã X là không có căn cứ pháp luật. UBND xã X và UBND huyện X cũng không quản lý đất này. Đơn ông T xin cấp GCNQSD đất là 96m², nhưng UBND huyện X chỉ cấp 47m² đất là không đúng thực tế, nên ông T khởi kiện là có căn cứ pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xét phúc thẩm chấp nhận khởi kiện ông Lê Trí T. Áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính để sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định 1098 và hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 791257 ngày 15/4/2015 của UBND huyện X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Trí T trong thời hạn và đúng thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người người bị kiện nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là ông Nguyễn Văn L vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự là đúng.

Về đối tượng khởi kiện Tòa án sơ thẩm xác định là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền: Quyết định 1098 và GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 791257 ngày 15/4/2015 của UBND huyện X là quyết định hành chính trong quản lý đất đai, thuộc đối tượng bị kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Luật tố tụng hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết về việc thi hành Luật tố tụng hành chính số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội thì Tòa án nhân dân huyện X tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không chuyển cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu giải quyết.

Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính, khiếu nại, giải quyết khiếu nại và khởi kiện của các bên đương sự là phù hợp pháp luật.

Xét về hình thức: Quyết định 1098 và GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 791257 ngày 15/4/2015 UBND huyện X có thể thức phù hợp loại văn bản quản lý Nhà nước.

Xét nội dung kháng cáo:

Ông Lê Trí T kháng cáo bản án sơ thẩm do không nhận định đánh giá kết luận về việc cấp sai diện tích đất theo yêu cầu của người khởi kiện; các tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất, thông báo nộp phí trước bạ nhà đất, giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ông T không ký, không nộp, nhưng Tòa sơ thẩm không xác minh. Nội dung kháng cáo này Tòa án sơ thẩm không giải quyết là thiếu sót, nên chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T.

Về nội dung yêu cầu của ông Lê Trí T yêu cầu cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho một hộ gia đình, cá nhân với 96m², tại thửa số 73, tờ bản đồ số 16 xã X.

Xét thấy tại Quyết định số 25/QĐ.UBX ngày 18/12/1992 của UBND xã X, huyện X về việc mua thanh lý tài sản của Hợp tác xã Tín dụng thì ông Lê Trí T mua thanh lý tài sản của Hợp tác xã Tín dụng tài sản gồm một căn nhà xây diện tích 32m² tọa lạc trên diện tích 96m².

Tại Điều 2 quyết định ghi rõ “ Ông Lê Trí T được quyền sử dụng căn nhà và diện tích đất trên, phải chấp hành qui định về nhà đất tại địa phương”.

Ông T đã sử dụng đất và sử dụng căn nhà ổn định từ tháng 8/1992 đến nay (sử dụng nhà đất trước ngày 15/10/1993); ông T sử dụng đất và sử dụng căn nhà không bị cơ quan nào xử phạt vi phạm hành chính, thực hiện các nghĩa vụ tài chính, đã được cấp GCNQSDĐ lần đầu vào ngày 28/12/1995 là đúng Điều 73 Luật đất đai 1993 và sau đó cấp GCNQSDĐ ngày 28/7/1997 là đúng điểm a, đ khoản Điều 50 Luật đất đai 2003 phù hợp điểm a, đ khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013. Việc UBND huyện X hủy bỏ số liệu cấp GCNQSDĐ tại thửa số 234, tờ bản đồ số 07 (mới là thửa số 73, tờ bản đồ số 16) xã X là không có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm UBND huyện X cũng không đưa ra được căn cứ pháp lý nào về sự thay đổi số liệu từ 96m² thành 47m² tại thửa số 234, tờ bản đồ số 07 (mới là thửa số 73, tờ bản đồ số 16) xã X, nên ông Lê Trí T khởi kiện là có căn cứ pháp luật.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét phúc thẩm chấp nhận kháng cáo ông Lê Trí T và chấp nhận đề nghị giải quyết vụ kiện của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT. Áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính để sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định 1098 và hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 791257 ngày 15/4/2015 của UBND huyện X để Ủy ban nhân dân huyện X cấp GCNQSDĐ tại thửa số 73, tờ bản đồ số 16 (cũ là thửa số 234, tờ bản đồ số 07) xã X cho ông Lê Trí T theo đúng qui định pháp luật.

Án phí hành chính: Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí phúc thẩm, trả lại tạm ứng án phí cho ông T. Ủy ban nhân dân huyện X phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 200.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính 2015.

Áp dụng: Điều 73 Luật đất đai 1993; điểm a, đ khoản 1 Điều 50 Luật đất đai 2003; điểm a, đ khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013; Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết về việc thi hành Luật tố tụng hành chính số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Trí T, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, như sau:

1. Chấp nhận khởi kiện của ông Lê Trí T hủy Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho một hộ gia đình, cá nhân (01 hồ sơ) tại xã X; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 791257 ngày 15/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện X; buộc Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 73, tờ bản đồ số 16 (số cũ là thửa số 234, tờ bản đồ số 07) xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Lê Trí T theo đúng qui định pháp luật.

2. Án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện X phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Ông Lê Trí T không phải nộp, trả lại cho ông Lê Trí T 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 2014/02370 ngày 20/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Trí T không phải nộp, trả lại cho ông Lê Trí T 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002960 ngày 06/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 05/04/2017.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND H Xuyên Mộc;
- THADS H Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Đào Đức Thiện